

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 162/2026/HNGĐ-ST

Ngày 06-4-2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”
giữa chị Hoàng Thị Thu Thủy và anh Trần
Quang Hưng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Kim Thành.

Ông Nguyễn Hữu Tĩnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thanh Hương - Thư ký Toà án khu vực 7 - Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình tham gia phiên tòa:*
Bà Vũ Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị Thu T**, sinh ngày: 11-9-1993; căn cước công dân số: 036193008628; nơi thường trú và cư trú: Tổ dân **phố B, phường T, tỉnh Ninh Bình**; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh **Trần Quang H**, sinh ngày: 28-3-1993; căn cước công dân số: 036093005008 nơi thường trú và cư trú: **Số B đường M, phường T, tỉnh Ninh Bình**; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 16-01-2026, bản tự khai ngày 05-02-2026, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Hoàng Thị Thu T** bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Trần Quang H** tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 12-12-2014 tại **Ủy ban nhân dân xã M, thành phố N, tỉnh Nam**

Định (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số B đường M, phường T, tỉnh Ninh Bình. Đến đầu năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Hai bên cũng đã cố gắng hòa giải, khắc mâu thuẫn nhưng không có kết quả nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng chung sống không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau và đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn khắc phục được nữa nên chị đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh **Trần Quang H.**

Về con chung: Chị và anh **Trần Quang H** có 01 con chung là **Trần Thảo N**, sinh ngày 01-10-2016. Chị đề nghị Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì hiện nay cháu đang sinh sống cùng với chị, cháu lại là con gái nên cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh **H** phải cấp dưỡng nuôi con vì chị có công việc thu nhập ổn định với mức lương 13.000.000 đồng/ tháng

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh **H** không có tài sản chung và không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **Hoàng Thị Thu T** tự nguyện nộp toàn bộ.

2. Tại bản tự khai ngày 18-3-2026, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn là anh **Trần Quang H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị **Hoàng Thị Thu T** trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp về tính cách nên thường xuyên xảy ra va chạm, mặc dù hai bên cũng đã cố gắng hàn gắn khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai bên chung sống không còn tình cảm và đã sống ly thân mỗi người ở một nơi. Nay chị **T** có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn khắc phục được nữa nên anh cũng nhất trí thuận tình ly hôn với chị **T.**

Về con chung: Anh và chị **Hoàng Thị Thu T** có 01 con chung là **Trần Thảo N**, sinh ngày 01-10-2016. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **N** vì anh có nơi ở ổn định, có công việc thu nhập với mức lương khoảng 13.000.000 đồng/ tháng đến 14.000.000 đồng/ tháng và có nhiều thời gian để chăm sóc con tốt hơn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị **T** phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh và chị T không có tài sản chung và không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại biên bản xác minh ngày 11-3-2026 tại TDP M, phường T, tỉnh Ninh Bình cung cấp: Chị Hoàng Thị Thu T và anh Trần Quang H có đăng ký kết hôn vào ngày 12-12-2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Ninh Bình) và có 01 con là cháu Trần Thảo N, sinh ngày 01-10-2016. Quá trình chung sống vợ chồng anh H và chị T có xảy ra mâu thuẫn nhưng địa phương không nắm được nguyên nhân cụ thể xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại chị Hoàng Thị Thu T và con sinh sống ở nơi khác, không ở cùng với anh Trần Quang H tại số B đường M, phường T, tỉnh Ninh Bình.

4. Tại biên bản ghi nguyện vọng của con chung ngày 13-02-2026 cháu Trần Thảo N trình bày: Cháu là con mẹ Hoàng Thị Thu T và bố Trần Quang H, nay bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

5. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Hoàng Thị Thu T và anh Trần Quang H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đều có yêu cầu ly hôn nên căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Thu T và anh Trần Quang H.

- Về con chung: Căn cứ vào các quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao chị Hoàng Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung là Trần Thảo N, sinh ngày 01-10-2016.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị **Hoàng Thị Thu T** có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung với anh **Trần Quang H**, anh **Trần Quang H** có nơi thường trú và cư trú tại: **Số B đường M, phường T, tỉnh Ninh Bình** nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, khoản 2 Điều 1 “Sửa đổi, bổ sung Điều 35” của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự 2025; Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hoàng Thị Thu T** và anh **Trần Quang H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 12-12-2014 tại **Ủy ban nhân dân xã M, thành phố N, tỉnh Nam Định** (nay là **Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Ninh Bình**) nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hoà hợp về tính cách nên thường xuyên xảy ra va chạm. Hai bên cũng đã có thời gian khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải được nhưng chị **T** và anh **H** đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị **T** và anh **H** cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

Xét tình trạng hôn nhân giữa **T** và anh **H** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận công nhận thuận tình ly hôn cho chị **Hoàng Thị Thu T** và anh **Trần Quang H** theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2 Về con chung: Chị **Hoàng Thị Thu T** và anh **Trần Quang H** có 01 con chung là **Trần Thảo N**, sinh ngày 01-10-2016 (giới tính: Nữ). Xét nguyện vọng của hai bên đều muốn được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là chính đáng, việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là quyền và nghĩa vụ của bố, mẹ. Xét điều kiện chỗ ở và thu nhập của hai bên là tương đối ngang nhau. Xét thực tế hiện nay cháu **N** đang do chị **Hoàng Thị Thu T** trực tiếp nuôi dưỡng, cháu **N** có nguyện vọng ở với mẹ nên để ổn định tâm sinh lý của trẻ khi bố mẹ ly hôn Hội đồng xét xử sẽ giao con chung cho chị **Hoàng Thị Thu T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là đúng với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy chị **Hoàng Thị Thu T** không yêu cầu anh **Trần Quang H** cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị **Hoàng Thị Thu T** và anh **Trần Quang H** không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn chị **Hoàng Thị Thu T** tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm nên Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Hoàng Thị Thu T** và anh **Trần Quang H**.

2. Về con chung: Giao chị **Hoàng Thị Thu T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là **Trần Thảo N**, sinh ngày 01-10-2016, số căn cước công dân: 036316012786, giới tính: Nữ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Trần Quang H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh **Trần Quang H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị **Hoàng Thị Thu T** nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà **Hoàng Thị Thu T** đã nộp tại biên lai số 0000448 ngày 23-01-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Trả lại cho chị **Hoàng Thị Thu T** 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Chị **Hoàng Thị Thu T** và anh **Trần Quang H** có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình (ĐKKH số 83 ngày 12-12-2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mạnh Hà

THÀNH N HỘI ĐỒNG

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình (ĐKKH số 83 ngày 12-12-2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mạnh Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Mạnh Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Mạnh Hà

